

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TP CẤP THCS

NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THI VÀ KẾT QUẢ XẾP GIẢI

MÔN: LS&ĐL 2

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	TRẦN ĐỨC	HUNG	131 / 002951	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	9,55	
2	NGUYỄN VĨNH	HUNG	131 / 002950	THCS Dân Chủ	X. TÂN KỶ	9,35	
3	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	133 / 002998	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	9,35	
4	HÀ VĂN	LÂM	132 / 002957	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	9,30	
5	BÙI THỊ THU	PHƯƠNG	134 / 003003	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	9,25	
6	CHỦ TỬ	UYÊN	135 / 003035	THCS Kim Anh	X. PHÚ THÁI	9,25	
7	TRẦN KHÁNH	PHƯƠNG	134 / 003011	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	9,20	
8	NGUYỄN ANH	THƯ	134 / 003022	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	9,18	
9	TRẦN QUANG	DŨNG	130 / 002926	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	9,15	
10	VŨ HOÀNG NHẢ	AN	130 / 002907	THCS Gia Hòa	X. YẾT KIỆU	9,13	
11	PHẠM THANH	THẢO	134 / 003017	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	9,13	
12	AN PHƯƠNG	LINH	132 / 002958	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	9,10	
13	NGUYỄN MAI	TRANG	135 / 003027	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	9,08	
14	VŨ MỸ	LINH	132 / 002970	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	9,03	
15	NGUYỄN VŨ QUỲNH	NHƯ	133 / 002999	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	9,03	
16	VŨ HÀ	LINH	132 / 002969	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,98	
17	BÙI THỊ NGỌC	DIỆP	130 / 002923	THCS Hiệp Lực	X. NINH GIANG	8,95	
18	ĐOÀN NGỌC	HÀN	131 / 002936	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	8,95	
19	NGUYỄN DUY	HIẾU	131 / 002939	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	8,93	
20	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	135 / 003032	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	8,93	
21	NGUYỄN HÀ THANH	CHỨC	130 / 002922	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,90	
22	PHẠM THANH	HƯƠNG	131 / 002953	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	8,90	
23	ĐỖ DƯƠNG	LINH	132 / 002960	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,90	
24	TRẦN ANH	ĐỨC	130 / 002928	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,88	
25	LÊ THỊ MINH	HÀ	131 / 002931	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,88	
26	VŨ MINH	HÀNG	131 / 002934	THCS Ngũ Hùng	X. THANH MIỀN	8,88	
27	NGUYỄN PHẠM TỬ	LINH	132 / 002966	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	8,88	
28	PHẠM TUYẾT	MAI	133 / 002980	THCS Lê Hồng	X. BẮC THANH MIỀN	8,88	
29	ĐOÀN MINH	NGỌC	133 / 002989	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,88	
30	NGUYỄN BẢO	CHÂU	130 / 002920	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	8,85	
31	LẠI QUANG	HUY	131 / 002945	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	8,85	
32	NGUYỄN KHÁNH	PHƯƠNG	054 / 001217	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	8,83	
33	ĐINH ĐỨC	PHÁT	133 / 003000	THCS Thái Thịnh	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	8,80	
34	NGUYỄN VŨ BẢO	YẾN	135 / 003042	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,80	
35	NGUYỄN VĂN	DŨNG	130 / 002925	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	8,75	
36	TRẦN NGỌC	LAN	132 / 002956	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,75	
37	ĐẶNG HẢI	YẾN	135 / 003039	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,75	
38	TRẦN BẢO	NGỌC	133 / 002991	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	8,73	
39	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	050 / 001115	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÊ	8,70	
40	LÊ THỊ THU	HUYỀN	131 / 002947	THCS Tân Quang II	X. HỒNG CHÂU	8,70	
41	PHÙNG THỊ NGỌC	HÀN	131 / 002938	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,68	
42	DƯƠNG PHƯƠNG	ANH	130 / 002908	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,65	
43	NGUYỄN GIA	BẢO	130 / 002915	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,65	
44	VŨ THỊ NGỌC	LY	132 / 002973	THCS Tân Việt	X. BÌNH GIANG	8,65	
45	PHẠM HẢI	PHƯƠNG	134 / 003010	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	8,65	
46	NGUYỄN BÙI DUY	TÙNG	135 / 003034	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,60	
47	VŨ THỊ ANH	THU	134 / 003023	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	8,58	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	VŨ MINH	NGỌC	054 / 001203	THCS Hoa Động	P. THỦY NGUYÊN	8,55	
49	ĐÀO THỊ QUỲNH	CHI	130 / 002921	THCS Cẩm Vũ	X. TUỆ TÍNH	8,55	
50	PHẠM CHÍ	BẢO	130 / 002917	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	8,53	
51	VŨ TRẦN PHƯƠNG	LINH	132 / 002971	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,53	
52	ĐẶNG BẢO	NGỌC	133 / 002988	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	8,53	
53	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	135 / 003041	THCS An Phú	P. TRẦN LIẾU	8,53	
54	HOÀNG THỊ KHÁNH	LINH	132 / 002961	THCS Thanh An	X. HÀ NAM	8,50	
55	BÙI NGỌC	MAI	132 / 002974	THCS Hưng Long	X. HỒNG CHÂU	8,50	
56	NGUYỄN THỊ HUYỀN	DIỆU	051 / 001131	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	8,48	
57	LÊ THỊ	HUỆ	131 / 002943	THCS Cộng Hòa	X. LAI KHÉ	8,48	
58	ĐỖ THỊ HỒNG	NHUNG	133 / 002997	THCS Cao Thắng	X. THANH MIỆN	8,48	
59	PHẠM THẢO	VY	135 / 003038	THCS Hưng Đạo	X. ĐẠI SƠN	8,48	
60	ĐÀO HƯƠNG	GIANG	051 / 001140	THCS Thủy Đường	P. THỦY NGUYÊN	8,45	
61	LÊ NGUYỄN NGỌC	ANH	130 / 002911	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,45	
62	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	134 / 003009	THCS Tam Kỳ	X. KIM THÀNH	8,45	
63	NGUYỄN MINH	NGUYỆT	133 / 002993	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,43	
64	ĐẶNG HẢI	HÀ	131 / 002930	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	8,40	
65	NGUYỄN MINH	ANH	050 / 001113	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	8,38	
66	NGUYỄN DIỆU	LINH	053 / 001175	THCS Giang Biên	X. VĨNH THUẬN	8,35	
67	VŨ BẢO	PHƯƠNG	134 / 003012	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	8,35	
68	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	134 / 003016	THCS Cẩm Đông	X. MAO ĐIỂN	8,35	
69	ĐỖ VŨ HẢI	PHƯƠNG	134 / 003004	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	8,33	
70	ĐẶNG THỊ HIẾU	BĂNG	130 / 002918	THCS Cộng Hòa	X. AN PHÚ	8,30	
71	QUÁCH ĐẠI	HAI	051 / 001143	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	8,28	
72	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	131 / 002932	THCS Quốc Tuấn	X. TRẦN PHÚ	8,28	
73	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	135 / 003029	THCS Dân Chủ	X. TÂN KỶ	8,28	
74	ĐINH THÀNH	QUANG	054 / 001219	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,25	
75	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	131 / 002952	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,23	
76	VŨ THỊ	THƯƠNG	055 / 001235	THCS Minh Tân	P. BẠCH ĐĂNG	8,18	
77	VŨ THỊ TRÀ	MY	133 / 002983	THCS Thanh Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BĂNG	8,18	
78	PHẠM NHƯ	QUỲNH	134 / 003014	THCS Phả Lại	P. CHÍ LINH	8,18	
79	LƯƠNG PHẠM CÁT	LINH	132 / 002963	THCS Kim Anh	X. PHÚ THÁI	8,15	
80	VŨ THỊ KIM	NGÂN	133 / 002987	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	8,15	
81	NGUYỄN ĐÌNH	QUANG	134 / 003013	THCS Cộng Hòa	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,13	
82	NGUYỄN BẢO	NGÂN	053 / 001197	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYÊN	8,10	
83	ĐỖ THANH	HÀNG	131 / 002933	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,10	
84	PHẠM HIỀN	ANH	050 / 001117	THCS Trần Phú	P. PHÚ LIẾN	8,08	
85	BÙI KHÁNH	LINH	132 / 002959	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	8,08	
86	NGUYỄN THỊ TUƠNG	VY	135 / 003037	THCS Tân Việt	X. HÀ BẮC	8,05	
87	NGUYỄN LAN	ANH	050 / 001112	THCS Đằng Hải	P. HẢI AN	8,03	
88	NGUYỄN QUỲNH	MAI	053 / 001184	THCS Tiên Phong-Vinh Phong	X. VĨNH HẢI	8,03	
89	NINH GIA	BẢO	130 / 002916	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,03	
90	PHẠM THỊ TUYẾT	MAI	133 / 002979	THCS An Thanh	X. CHÍ MINH	8,03	
91	VŨ THỊ MAI	ANH	050 / 001122	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	8,00	
92	PHẠM THỊ NGỌC	KHÁNH	052 / 001165	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	8,00	
93	NGUYỄN THỊ THẢO	NGUYỄN	054 / 001205	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	8,00	
94	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	131 / 002949	THCS Đại Đức	X. KIM THÀNH	8,00	
95	LÊ THỊ THÙY	LINH	132 / 002962	THCS Ninh Hải	X. KHÚC THỨA DỤ	8,00	
96	NGUYỄN NGỌC BẢO	AN	050 / 001105	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐĂNG	7,98	
97	LÊ CÔNG ĐỨC	ANH	050 / 001110	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	7,98	
98	HOÀNG TRẦN MAI	LINH	052 / 001171	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,98	
99	ĐỖ ĐỨC MINH	THANH	055 / 001228	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	7,98	
100	PHÙNG MINH	DƯƠNG	051 / 001134	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYÊN	7,95	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	NGUYỄN NGỌC	HÂN	131 / 002937	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỀN	7,95	
102	NGUYỄN KIM	NGÂN	133 / 002986	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	7,95	
103	NGUYỄN DƯƠNG HIẾU	PHƯƠNG	134 / 003006	THCS Thanh Miện	X. THANH MIỆN	7,95	
104	VŨ HỒNG	ANH	050 / 001121	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	7,93	
105	GIANG HẠNH	NHƯ	054 / 001210	THCS Lạc Viên	P. NGÔ QUYẾN	7,90	
106	BÙI THU	TRANG	135 / 003026	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	7,90	
107	NGUYỄN TRÀ	MY	133 / 002982	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,88	
108	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	051 / 001137	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	7,85	
109	HOÀNG BẢO	LONG	053 / 001179	THCS Đa Phúc	P. HÙNG ĐẠO	7,85	
110	NGUYỄN THỊ QUỲNH	MAI	133 / 002978	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÓN	7,85	
111	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	051 / 001127	THCS Lê ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	7,83	
112	NGUYỄN HẢI	AN	050 / 001104	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	7,80	
113	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	056 / 001248	THCS Vinh Quang-Thanh Lương	X. VINH BẢO	7,78	
114	TRẦN KHÁNH	THI	134 / 003020	THCS Cẩm Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	7,78	
115	LÊ GIA	HUY	052 / 001159	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	7,75	
116	LÊ THANH	NGA	133 / 002985	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	7,75	
117	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	134 / 003008	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	7,75	
118	PHẠM NGỌC TUẤN	KIỆT	052 / 001166	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	7,73	
119	HỒ PHƯƠNG	LINH	052 / 001172	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,68	
120	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	052 / 001156	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	7,65	
121	PHẠM NGUYỄN MAI	AN	130 / 002906	THCS Võ Thị Sáu	P. LÊ THANH NGHỊ	7,65	
122	NGUYỄN NHƯ ĐỨC	ANH	130 / 002912	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,65	
123	HOÀNG THANH	MAI	132 / 002975	THCS Thái Tân	X. THÁI TÂN	7,65	
124	GIANG THANH BÌNH	AN	050 / 001103	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	7,63	
125	LÊ ĐỨC ANH	MINH	133 / 002981	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	7,63	
126	VŨ BẢO	MINH	053 / 001191	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,60	
127	ĐINH NGỌC	ANH	050 / 001107	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	7,58	
128	VƯƠNG THỊ NHƯ	NGỌC	054 / 001204	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÊ	7,58	
129	ĐỖ QUANG	HUY	131 / 002944	THCS Tứ Cường	X. THANH MIỆN	7,58	
130	PHẠM YẾN	NHI	133 / 002996	THCS Liên Hồng	P. THẠCH KHÔI	7,58	
131	LƯƠNG KIỂU	ANH	050 / 001111	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	7,55	
132	TRẦN THỊ QUỲNH	HOA	052 / 001154	THCS Đồng Hoà	P. KIẾN AN	7,55	
133	ĐINH KHÁNH	HOÀ	052 / 001155	THCS Phả Lễ	P. NAM TRIỆU	7,55	
134	ĐỖ NGỌC THỦY	TIÊN	055 / 001237	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,55	
135	ĐỖ NGỌC	TÚ	056 / 001253	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THỤY	7,55	
136	HÀ DUY	BẢO	130 / 002914	THCS Tân Hương	X. VINH LẠI	7,55	
137	NGUYỄN TÀI	NAM	133 / 002984	THCS Hiệp Hòa	P. TRẦN LIẾU	7,55	
138	VŨ TẠ ĐIỂM	THƯƠNG	134 / 003024	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	7,55	
139	ĐINH KHẮC VIỆT	ANH	050 / 001106	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	7,53	
140	LÊ NGỌC BẢO	CHÂU	051 / 001128	THCS Ngọc Hải	P. ĐỒ SƠN	7,53	
141	PHẠM KIM	QUÝ	055 / 001221	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	7,53	
142	ĐẶNG HẢI	YẾN	056 / 001259	TH-THCS Chiến Thắng	X. AN HUNG	7,53	
143	LƯU TRỌNG	PHÚ	133 / 003001	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,50	
144	NGUYỄN LÊ HƯƠNG	THẢO	134 / 003015	THCS Thanh Hồng	X. HÀ ĐÔNG	7,50	
145	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	134 / 003018	THCS Ngũ Phúc	X. AN THÀNH	7,50	
146	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	130 / 002913	THCS Nghĩa An	X. VINH LẠI	7,45	
147	KHỔNG HUYỀN	LINH	052 / 001173	THCS Tam Cường	X. VINH AM	7,43	
148	NGUYỄN LAN	PHƯƠNG	134 / 003007	THCS Hoàng Diệu	X. GIA PHÚC	7,43	
149	LÊ MINH	HUYỀN	131 / 002946	THCS Bình Hàn	P. THÀNH ĐÔNG	7,40	
150	NGUYỄN PHƯƠNG	LAN	132 / 002955	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,40	
151	HOÀNG HẢI	LÂM	052 / 001168	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	7,38	
152	LÊ KHÁNH	GIANG	051 / 001141	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,33	
153	ĐỖ HOÀNG	HUY	052 / 001158	THCS Mỹ Đức	X. AN KHÁNH	7,33	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	ĐẶNG KHÁNH	THY	055 / 001236	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	7,28	
155	NGUYỄN VŨ MINH	HUYỀN	052 / 001161	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	7,25	
156	NGUYỄN ĐỨC	KHẢI	052 / 001163	THCS Lập Lễ	P. NAM TRIỆU	7,25	
157	NHŨ THU	CHANG	130 / 002919	TH-THCS Thái Hòa	X. THƯỢNG HỒNG	7,25	
158	VŨ THỊ	PHÚC	134 / 003002	THCS Chi Lăng Bắc	X. NAM THANH MIỀN	7,23	
159	PHẠM THÙY	DUNG	051 / 001132	TH-THCS Chiến Thắng	X. AN HUNG	7,20	
160	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	135 / 003030	THCS Hiệp Sơn	P. PHẠM SỰ MẠNH	7,20	
161	NGUYỄN NGỌC	MAI	132 / 002976	THCS Thanh Hải	X. HÀ TÂY	7,18	
162	CHU ĐỨC	HIẾU	052 / 001151	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	7,15	
163	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂM	056 / 001249	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÉ	7,15	
164	ĐÀO NHƯ	QUỲNH	055 / 001222	THCS An Hưng	P. HỒNG AN	7,10	
165	NGUYỄN QUỲNH	MAI	132 / 002977	THCS Ngọc Liên	X. CẨM GIANG	7,10	
166	LÊ KHÁNH	CHI	051 / 001129	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	7,05	
167	PHẠM PHƯƠNG	HOA	052 / 001153	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	7,05	
168	PHẠM THỊ PHƯƠNG	VI	056 / 001255	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIẾN	7,05	
169	TẠ THU	TRANG	056 / 001247	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,03	
170	NGUYỄN HẢI	YẾN	056 / 001261	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	7,03	
171	LÊ MAI	ANH	130 / 002910	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	6,98	
172	ĐỖ THỊ MAI	UYÊN	056 / 001254	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÉ	6,95	
173	PHẠM THỊ THÙY	DUNG	130 / 002924	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÉ	6,95	
174	NGUYỄN KHÁNH	LINH	132 / 002965	THCS Định Sơn	X. CẨM GIANG	6,95	
175	NGUYỄN HẢI	LINH	053 / 001176	THCS Khởi Nghĩa	X. TIÊN LĂNG	6,93	
176	BÙI ĐĂNG	MINH	053 / 001186	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	6,93	
177	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	050 / 001123	THCS Trương Công Định	P. LÊ CHÂN	6,90	
178	NGUYỄN MINH	ÁNH	133 / 002785	THCS Phú Thứ	P. NHỊ CHIẾU	6,90	
179	NGUYỄN HÀ	LÊ	052 / 001169	THCS Đăng Lâm	P. HẢI AN	6,85	
180	HOÀNG MINH	TÚ	135 / 003033	THCS Lê Hồng Phong	P. LÊ THANH NGHỊ	6,85	
181	LÊ MAI	TRANG	055 / 001241	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	6,83	
182	BÙI NGỌC	HÂN	131 / 002935	THCS Vĩnh Hồng	X. KÊ SẮT	6,83	
183	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	135 / 003031	THCS Phạm Trấn	X. TRƯỜNG TÂN	6,83	
184	NGUYỄN TUẤN	ANH	050 / 001116	THCS Võ Thị Sáu	P. AN BIÊN	6,80	
185	LÊ VŨ NGÂN	HÀ	051 / 001142	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	6,80	
186	NGUYỄN NGỌC THÙY	DƯƠNG	051 / 001133	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	6,78	
187	NGUYỄN THẢO	TRANG	056 / 001244	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	6,78	
188	PHẠM THIÊN	TRANG	056 / 001246	THCS Đoàn Lập	X. TÂN MINH	6,78	
189	PHẠM ANH	VŨ	056 / 001257	THCS Sơn	X. AN LÃO	6,78	
190	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	132 / 002967	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	6,75	
191	LÊ THỊ MINH	HÀNG	051 / 001146	THCS Hưng Đạo	P. HUNG ĐẠO	6,73	
192	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	131 / 002948	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÉ	6,73	
193	NGUYỄN TRỌNG	THẮNG	134 / 003019	THCS Toàn Thắng	X. GIA PHÚC	6,73	
194	NGUYỄN ĐIỂM	TRÀ	134 / 003025	THCS An Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	6,73	
195	TRẦN KHÁNH	NGỌC	133 / 002992	THCS Mạc Thị Bưởi	X. HỢP TIẾN	6,70	
196	VŨ TUẤN	HÙNG	052 / 001157	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HUNG	6,68	
197	LÊ DIỆU	LINH	052 / 001174	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	6,65	
198	ĐẶNG THANH	TRÚC	056 / 001251	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	6,63	
199	NGUYỄN CHÍ	THÀNH	055 / 001229	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	6,55	
200	ĐÀO THANH	TRÚC	056 / 001250	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,55	
201	TRỊNH TRÂM	ANH	050 / 001120	TH-THCS-THPT Vinschool Imperia	P. HỒNG BÀNG	6,53	
202	TRẦN TRUNG	HIẾU	131 / 002940	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	6,53	
203	BÙI ÁNH	NGUYỆT	054 / 001206	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	6,50	
204	TRẦN GIA	HUY	052 / 001160	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	6,48	
205	BÙI NGỌC	MAI	053 / 001181	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	6,43	
206	PHẠM NGỌC TUẤN	MINH	053 / 001189	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,43	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	TRỊNH TIẾN	ĐẠT	130 / 002927	THCS Thạch Khôi	P. THẠCH KHÔI	6,43	
208	TRẦN PHƯƠNG	HOÀI	131 / 002941	THCS Hà Thanh	X. NGUYỄN GIÁP	6,43	
209	LIU TRUNG	HOÀN	131 / 002942	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	6,43	
210	LÊ HÀ	PHƯƠNG	134 / 003005	THCS Tân Bình	P. LÊ THANH NGHỊ	6,43	
211	VŨ THỊ TRÀ	MY	053 / 001194	THCS Hoàng Động	P. THIÊN HƯƠNG	6,40	
212	TRẦN NGỌC	THẢO	055 / 001231	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	6,40	
213	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	053 / 001177	THCS Minh Đức	P. BẠCH ĐĂNG	6,35	
214	NGUYỄN BÌNH	MINH	053 / 001187	THCS Lê Lợi	P. AN DƯƠNG	6,35	
215	PHẠM HẢI	PHONG	054 / 001212	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	6,35	
216	ĐẶNG THU	PHƯƠNG	054 / 001215	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	6,35	
217	ĐỖ THÙY	TRANG	055 / 001239	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	6,35	
218	VŨ NGỌC	MINH	053 / 001192	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	6,30	
219	LIU NGỌC	MAI	053 / 001183	THCS Tiên Phong-Vĩnh Phong	X. VINH HẢI	6,28	
220	LƯƠNG QUANG	GIẤU	130 / 002929	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	6,28	
221	ĐÀO QUỲNH	MAI	053 / 001182	THCS Tân Viên	X. AN KHÁNH	6,25	
222	NGUYỄN MINH	QUANG	054 / 001220	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,25	
223	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	135 / 003028	THCS Hoàng Tiến	P. TRẦN NHÂN TÔNG	6,25	
224	NGUYỄN PHẠM HẢI	YẾN	135 / 003040	THCS Tân Hưng	P. TÂN HUNG	6,23	
225	ĐÀO KHÁNH	LINH	052 / 001170	THCS Tam Cường	X. VINH AM	6,20	
226	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	055 / 001226	THCS Hữu Bằng	X. KIẾN THUY	6,18	
227	VŨ TRƯỜNG THANH	NHÀN	054 / 001208	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	6,13	
228	NGÔ ANH	ĐÀO	051 / 001136	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	6,08	
229	NGUYỄN MINH	HẢI	051 / 001144	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	6,08	
230	PHẠM UYÊN	NHI	054 / 001209	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	6,08	
231	ĐẶNG KHÁNH	NGỌC	054 / 001199	THCS Ngô Quyền	P. LÊ CHÂN	6,05	
232	VŨ THỊ ÁNH	NGUYỆT	133 / 002995	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	6,05	
233	PHẠM CẨM	THƠ	134 / 003021	THCS Kê Sắt	X. KÊ SẮT	6,05	
234	ĐỖ ANH	ĐỨC	051 / 001138	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	6,03	
235	ĐOÀN PHƯƠNG	THẢO	055 / 001230	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	6,00	
236	NGUYỄN HÀ	TRANG	056 / 001243	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	5,98	
237	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRANG	056 / 001080	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	5,98	
238	ĐINH THU	TRANG	055 / 001238	THCS Quốc Tuấn	P. AN DƯƠNG	5,95	
239	NGUYỄN MAI	PHƯƠNG	054 / 001218	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	5,90	
240	NGUYỄN THẢO PHƯƠNG	ANH	050 / 001114	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIỄN	5,85	
241	NGUYỄN ĐỨC	SON	055 / 001225	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	5,85	
242	NGUYỄN ÁI	LINH	132 / 002964	THCS Cộng Lạc	X. LẠC PHƯỢNG	5,83	
243	PHẠM KHÁNH	LY	132 / 002972	THCS An Lạc	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,82	
244	PHẠM TÂM	ANH	050 / 001118	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	5,78	
245	PHẠM THỊ MINH	ÁNH	050 / 001126	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	5,78	
246	VĂN THANH	HUYỀN	052 / 001162	THCS Quốc Tuấn	X. AN QUANG	5,78	
247	ĐẶNG TUẤN	ANH	130 / 002909	TH-THCS Nguyễn Đức Sáu	X. THÁI TÂN	5,75	
248	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	ÁNH	050 / 001124	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	5,73	
249	MAI ĐỖ MINH	HẰNG	051 / 001147	THCS Đại Thắng	X. QUYẾT THẮNG	5,73	
250	NGÔ HOÀI	THU	055 / 001232	THCS Đông Thái	P. AN HẢI	5,73	
251	MẠC MAI	TRANG	055 / 001242	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HUNG	5,73	
252	PHẠM TRẦN GIA	LINH	132 / 002968	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	5,73	
253	NGUYỄN KHÁNH	LY	053 / 001180	THCS Sơn	X. AN LÃO	5,70	
254	NGÔ QUANG	PHÚ	054 / 001214	TH-THCS Hoàng Châu	ĐẶC KHU CÁT HẢI	5,68	
255	PHẠM NGỌC	LAN	052 / 001167	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	5,65	
256	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	054 / 001207	THCS Hoàng Động	P. THIÊN HƯƠNG	5,65	
257	TIÊU CÔNG ĐẠI	CUÔNG	051 / 001130	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	5,63	
258	TRẦN THỊ KHÁNH	LINH	053 / 001178	THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	5,63	
259	NGUYỄN KHÁNH	TRÚC	056 / 001252	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	5,63	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	NGUYỄN THẢO	TRANG	056 / 001245	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	5,60	
261	CAO TRÂM	ANH	133 / 002769	THCS Tân Dân	P. NHỊ CHIẾU	5,58	
262	TRẦN HỒNG	HẢI	051 / 001145	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	5,50	
263	NGUYỄN BẢO	YẾN	056 / 001260	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	5,45	
264	HOÀNG BẢO	TRANG	055 / 001240	THCS Bát Trang	X. AN TRƯỜNG	5,43	
265	ĐOÀN TUẤN	ANH	050 / 001108	THCS Dư Hàng Kênh	P. LÊ CHÂN	5,38	
266	NGUYỄN THẢO	MINH	053 / 001188	TH-THCS Hà Sen	ĐẶC KHU CÁT HẢI	5,38	
267	NGUYỄN TẤN	TÀI	055 / 001227	THCS Đại Bản	P. HỒNG AN	5,38	
268	ĐÀO HƯƠNG	GIANG	051 / 001139	THCS An Đồng	P. AN HẢI	5,30	
269	ĐỒNG NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	050 / 001109	THCS An Hòa	X. VINH HÒA	5,28	
270	PHẠM NGỌC	ÁNH	050 / 001125	THCS Bắc Hà	P. PHÙ LIỄN	5,25	
271	HOÀNG DIỆU	PHƯƠNG	054 / 001216	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	X. TIÊN MINH	5,18	
272	NGUYỄN MINH	HOA	052 / 001152	THCS Tiên Thắng - Toàn Thắng	X. TIÊN MINH	5,10	
273	NGUYỄN MINH	NGỌC	054 / 001201	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HƯNG	5,10	
274	NGUYỄN THỊ BẢO	OANH	054 / 001211	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	5,10	
275	CAO THỊ THANH	KHÔI	132 / 002954	THCS Việt Hòa	P. VIỆT HOÀ	5,10	
276	NGÔ ANH	THƯ	055 / 001234	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	5,07	
277	ĐOÀN THỊ THANH	HIỀN	051 / 001149	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	4,83	
278	VŨ THÙY	DƯƠNG	051 / 001135	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	4,78	
279	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	051 / 001150	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	4,78	
280	PHẠM TIẾN	MINH	053 / 001190	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	4,75	
281	NGUYỄN BẢO	HÂN	051 / 001148	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	4,68	
282	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	052 / 001164	THCS Lê Thiện	P. AN PHONG	4,68	
283	VŨ LÊ KIM	NGÂN	053 / 001198	THCS Vạn Sơn	P. ĐỒ SƠN	4,68	
284	TRỊNH HÀ	VY	056 / 001258	THCS Bàn La	P. NAM ĐỒ SƠN	4,68	
285	LƯƠNG THỊ	NGỌC	054 / 001200	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HƯNG	4,65	
286	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	055 / 001223	THCS Giang Biên	X. VINH THUẬN	4,63	
287	TRẦN THỊ MAI	THÙY	055 / 001233	TH&THCS Tân Thành	P. DƯƠNG KINH	4,48	
288	LƯƠNG THỊ THÚY	NGA	053 / 001195	TH-THCS Tân Phong	X. KIẾN HẢI	4,45	
289	NGUYỄN THỊ LINH	NGA	053 / 001196	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	4,40	
290	VŨ HỒNG	NGỌC	054 / 001202	THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	4,33	
291	LÊ HÀ	MY	053 / 001193	THCS Nam Hải	P. ĐÔNG HẢI	4,18	
292	PHẠM MINH	PHONG	054 / 001213	THCS Trần Văn Ôn	P. HỒNG BÀNG	4,08	
293	CAO THỊ TRÀ	MI	053 / 001185	TH&THCS Tân Thành	P. DƯƠNG KINH	3,90	
294	PHẠM THỊ	QUỲNH	055 / 001224	THCS Đoàn Xá	X. KIẾN HẢI	3,63	
295	TRẦN VŨ TRANG	ANH	050 / 001119	THCS Đại Đồng - Đông Phương	X. KIẾN MINH	3,58	

(Danh sách gồm: 295 thí sinh)